

Bản án số: 28/2018/HSST

Ngày: 12- 3 -2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lý Ngọc Mạnh.

2/ Ông Hoàng Minh Đang.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc Th; giới tính: Nam; sinh năm: 1982; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu An Lạc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 3/12; con ông Huỳnh Văn Đời và bà Nguyễn Thị Thôn; có vợ Phan Thị Cẩm Linh; có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/12/2009 bị Công an Quận 8 bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 22/4/2010 Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong bản án ngày 30/4/2011.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

2. Huỳnh Thanh N; giới tính: Nam; sinh ngày 06/11/1999, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 05 tháng 09 ngày; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: khu An Lạc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 3/12; con ông Huỳnh Văn N1 và bà Nguyễn Thị

Sang; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 27/11/2017 cho đến nay. (có mặt)

3. Trần Hữu H; giới tính: Nam; sinh năm: 1975; tại: Long An; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Long Phú, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An; chỗ ở: Kinh Dương Vương, Khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 4/12; con ông Trần Văn Kiệt và bà Đinh Thị Dạ; có vợ Nguyễn Thị Lệ, có 02 con, con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/4/2017, đến ngày 18/4/2017 được cho tại ngoại. (có mặt)

4. Lê Đình Duy C; giới tính: Nữ; sinh năm: 1980; tại: Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 4, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 9/12; con ông Lê Văn Tho và bà Đinh Thị Lan; có chồng Nguyễn Hoàng Huy, có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017, đến ngày 15/9/2017 được cho tại ngoại. (có mặt)

5. Lê Hồng T; giới tính: Nữ; sinh năm: 1984; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 7/12; con ông Lê Văn Tư và bà Phạm Thị Giỏi; có chồng Nguyễn Quang Minh, có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

6. Lê Kim B; giới tính: Nữ; sinh năm: 1977; tại: Vĩnh Long; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp An Thanh, xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Hương Lộ 2, khu phố 4, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 5/12; con ông Lê Minh Nghĩa và bà Nguyễn Thị Dung; có chồng Nguyễn Văn Triệu; có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017, đến ngày 21/4/2017 được cho tại ngoại. (có mặt)

7. Lê Thị H1; giới tính: Nữ; sinh năm: 1982; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 6/12; con ông Lê Văn Tư và bà Phạm Thị Giỏi; có chồng Danh Văn Tâm, có 02 con, con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

8. Mai Ngọc Nh; giới tính: Nữ; sinh năm: 1979; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khu y tế kỹ thuật cao, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 12/12; con ông Mai Thành Hưng và bà Đặng Thị Bé; có chồng Trần Ngọc Lâm (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017, đến ngày 02/6/2017 được cho tại ngoại. (có mặt)

9. Nguyễn Thị Đ; giới tính: Nữ; sinh năm: 1974; tại: Đồng Tháp; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Không; chỗ ở: An Dương Vương, Khu phố 5, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn Tửu và bà Đào Thị Bé; có chồng Nguyễn Văn Uôn; có 02 con, con lớn sinh năm 1994; con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

10. Nguyễn Thị Lệ Th1; giới tính: Nữ; sinh năm: 1964; tại: Long An; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ụ Cây, Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn Rảnh và bà Ngô Thị Lan; có chồng Trần Văn Hiệp; có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1996. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

11. Nguyễn Thị L; giới tính: Nữ; sinh năm: 1954; tại: Đồng Tháp; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Bình Linh, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn Bảy Lễ và bà Dương Thị Đựng; có chồng Nguyễn Văn Phe; có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 đến ngày 07/02/2018 được cho tại ngoại. (có mặt)

12. Nguyễn Thị Ngọc Đ1; giới tính: Nữ; sinh năm: 1985; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn Trắng và bà Nguyễn Thị Huệ; có chồng Trương Hoàng Trọng; có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

13. Nguyễn Thị A; giới tính: Nữ; sinh năm: 1971; tại: Vĩnh Long; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Hòa Thuận, xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông Võ Văn Cương và bà Nguyễn Thị Sáng; có chồng Trương Thành Nhơn, có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

14. Trần Thị Thu L1; giới tính: Nữ; sinh năm: 1980; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Quốc lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 3/12; con ông Trần Văn Thắng và bà Nguyễn Thị Hồng; có chồng Lâm Anh Vũ; có 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

15. Trần Thị D; giới tính: Nữ; sinh năm: 1969; tại: An Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 2, xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông Trần Văn Thê và bà Trần Thị Bông; có chồng Trần Văn Xây; có 01 con sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

16. Võ Thanh B1; giới tính: Nam; sinh năm: 1987; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: khu An Lạc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: 12/12; con ông Võ Văn Kiều và bà Trần Thị Giàu; có vợ Lê Thị Ái Lâm, có 2 con cùng sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 cho đến nay. (có mặt)

17. Võ Thị M; giới tính: Nữ; sinh năm: 1958; tại: Đồng Tháp; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; chỗ ở: Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; học vấn: Không biết chữ; con ông Võ Văn Hăng và bà Bùi Thị Hoa; có chồng Phạm Thành Hiền; có 5 người con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/4/2017 đến ngày 07/02/2018 được cho tại ngoại. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Huỳnh Văn N1t; sinh năm 1954; nơi cư trú: khu An Lạc, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 45 phút ngày 15/4/2017, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận 8 phối hợp cùng Trạm cảnh sát đường thủy Rạch Cát Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công an Phường 16, Quận 8 bắt quả tang tại đối diện nhà số 37 khu An Lạc, Phường 16, Quận 8, Trương Văn M, Nguyễn Ngọc Th và Huỳnh Thanh N tổ chức cho Trần Hữu H, Mai Ngọc Nh, Lê Đình Duy C,

Võ Thanh B1, Lê Thị H1, Nguyễn Thị Lê Th1, Lê Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị Thu L1, Lê Kim B, Nguyễn Thị L, Võ Thị M và Trần Thị D đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào 06 lá được thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ gồm: 10 bộ bài tây 52 lá, 02 tấm ván dùng làm chiếu bạc, 10 cái ghế nhỏ, tiền tại chiếu bạc do Lê Đình Duy C làm cái là 7.100.000 đồng, tiền tại chiếu bạc do Mai Ngọc Nh làm cái là 18.000.000 đồng, tiền thu giữ trong người các con bạc là 91.257.000 đồng. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Nguyễn Ngọc Th, Huỳnh Thanh N khai nhận: Khoảng tháng 02/2017, Trương Văn M tổ chức cho các con bạc đánh bài cào 06 lá được thua bằng tiền tại bãi đất trống đối diện nhà số 37 khu An Lạc, Phường 16, Quận 8. Hình thức đánh bạc là chơi bài cào 06 lá tính điểm, trong đó một tụ làm cái trực tiếp thắng thua với các tụ còn lại, mỗi tụ được chia 06 lá bài, chia thành 02 chi bài cào đếm nút, chi trên nhỏ hơn chi dưới, mỗi chi 3 lá, tụ làm cái so với các tụ còn lại để ăn thua. Nếu chi trên và chi dưới của tụ cái đều lớn nút hơn chi trên và chi dưới của các tụ còn lại thì tụ cái ăn và ngược lại. Nếu chi trên hoặc chi dưới của hai tụ bằng nút, chi còn lại của tụ nào lớn nút hơn thì tụ bài đó ăn. Nếu chi trên và chi dưới của hai tụ bằng nhau hoặc chi trên của tụ này lớn hơn tụ kia và chi dưới của tụ này nhỏ hơn tụ kia hoặc ngược lại thì hoà. Sòng bài hoạt động từ khoảng 11 giờ đến 21 giờ cùng ngày. Mỗi ngày có khoảng từ 1 đến 3 sòng bạc do các con bạc đứng ra làm cái, mỗi sòng bạc có khoảng từ 6 đến 8 tụ bài, mỗi tụ bài đặt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Trong thời gian tổ chức đánh bạc, Trương Văn M thỏa thuận thì được Nguyễn Ngọc Th, Huỳnh Thanh N và người thanh niên tên On (không rõ lai lịch, địa chỉ) đồng ý tham gia phụ giúp M tổ chức đánh bạc. Nhiệm vụ của Th là đứng bên ngoài cảnh giới và cung cấp bài cho các con bạc, khi các con bạc cần đổi bài mới thì N hoặc On đứng bên trong sòng bài thông báo cho Th đưa bài mới cho các con bạc, mỗi ngày M trả công cho Th 300.000 đồng. Nhiệm vụ của N và On là lấy xâu của các con bạc. Nếu ai làm cái trong ván thắng hết tất cả các tụ bài còn lại thì N hoặc On lấy xâu tụ cái 100.000 đồng, nếu không thắng hết tất cả các tụ bài mà cái ăn thì N hoặc On lấy xâu 50.000 đồng/ván, nếu cái thua thì không lấy tiền xâu. Khi buổi tối thì N cung cấp điện cho M chiếu sáng để cho các đối tượng đánh bạc, mỗi ngày M trả công cho N từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, trong đó có 50.000 đồng tiền điện một ngày. Việc tổ chức đánh bạc diễn ra liên tục cho đến khoảng 19 giờ 45 phút ngày 15/4/2017 thì bị Công an phát hiện bắt quả tang 02 sòng bài do Mai Ngọc Nh và Lê Đình Duy C đang làm cái như trên. Khi bị bắt quả tang Trương Văn M, Huỳnh Thanh N và On đã bỏ chạy thoát. Quá trình khởi tố điều tra, Cơ quan điều tra quyết định truy nã đối với Huỳnh Thanh N và Trương Văn M. Đến ngày 27/11/2017, Huỳnh Thanh N ra đầu thú. Tính đến ngày 15/4/2017, thu lợi bất chính của Nguyễn Ngọc Th từ việc tổ chức đánh bạc được khoảng 18.000.000 đồng, của Huỳnh Thanh N là khoảng 4.500.000 đồng.

Các đối tượng tham gia đánh bạc tại sòng bài do Mai Ngọc Nh làm cái gồm:

Mai Ngọc Nh khai nhận: Mang theo số tiền 15.000.000 đồng để làm cái đánh bài ăn tiền, Nh làm cái nhiều ván bài, khi bị bắt quả tang Nh thua 7.500.000 đồng. Thu giữ của Nh số tiền 7.500.000 đồng dùng để đánh bạc và 01 điện thoại di động hiệu Oppo số Imei: 864212033611878 và số Imei: 864212033611860 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Võ Thanh B khai nhận: Mang theo số tiền 1.560.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi B ké 100.000 đồng vào tụ bài 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, B thua 100.000 đồng. Thu giữ của B số tiền 1.460.000 đồng dùng để đánh bạc.

Lê Thị H1 khai: Mang theo số tiền 270.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài, khi H1 đặt tụ 200.000 đồng và có 01 người thanh niên (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát ké 100.000 đồng vào tụ bài của H1 thành tụ bài 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài ăn tiền thì bị bắt quả tang. Thu giữ của H số tiền 70.000 đồng dùng để đánh bài và 01 điện thoại di động Smart số Imei: 357058060184790 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Trần Hữu H khai: Mang theo số tiền 1.600.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi H ké 100.000 đồng vào tụ bài của người phụ nữ (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát thành tụ bài 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, H không thắng không thua. Thu giữ của H số tiền 10.000 đồng dùng để đánh bài, số tiền 1.490.000 đồng H đã đánh rơi không thu giữ được và 01 điện thoại di động Nokia số Imei: 359972/05/854354/4, 01 điện thoại di động Samsung, số Imei: 355228/08/036789/7 và số Imei: 355229/08/036789/5 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Nguyễn Thị Lệ Th1 khai: Mang theo số tiền 300.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi Th1 ké 200.000 đồng vào tụ bài chính của người phụ nữ (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) thành tụ bài 400.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang. Th1 không thắng không thua, còn số tiền 100.000 đồng Th1 đã đánh rơi không thu giữ được. Thu giữ của Th1 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Imei: 352351/06/854800/8, 01 điện thoại di động Intex số Imei 1: 911522250175008, Imei 2: 911522250175016 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Lê Hồng T khai: Mang theo số tiền 11.270.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.270.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi T đặt tụ 200.000 đồng thì Nguyễn Thị Ngọc Đ1 ké 100.000 đồng thành tụ 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, T thua 200.000 đồng. Thu giữ của T số tiền 10.870.000 đồng, trong đó 870.000 đồng là tiền của T dùng để đánh bài, 10.000.000 đồng là tiền của T không sử dụng để đánh bài và 01 điện thoại di động màu trắng, số Imei 1: 355282074179156, số Imei 2: 355282074179164 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Nguyễn Thị Ngọc Đ1 khai: Mang theo số tiền 600.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi Đ1 ké 100.000 đồng vào tụ

chính của Lê Hồng T thành tụ 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, Đ1 thua 100.000 đồng. Thu giữ của Đ1 số tiền 400.000 đồng dùng để đánh bài và 01 điện thoại di động Nokia, số Imei: 357809/06/532210/2 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Nguyễn Thị A khai: Mang theo số tiền 320.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi A ké 100.000 đồng vào tụ bài của người phụ nữ (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát, thành tụ bài 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, A ăn 400.000 đồng. Thu giữ của A số tiền 620.000 đồng dùng để đánh bạc và 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Imei: 359589/05/440876/9 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Nguyễn Thị Đ khai: Mang theo 800.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi Đ ké 100.000 đồng vào tụ bài của người phụ nữ (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát, thành tụ bài 300.000 đồng, Nh chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, Đ thua 700.000 đồng. Đ không bị thu giữ gì.

Các đối tượng tham gia đánh bạc tại sòng bài do Lê Đình Duy C làm cái gồm:

Lê Đình Duy C khai: Mang theo số tiền 30.000.000 đồng để làm cái đánh bài ăn tiền, C đang làm cái chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, C thua 4.300.000 đồng. Thu giữ của C số tiền 25.700.000 đồng dùng để đánh bài, và 01 điện thoại di động Mobistar, số Imei: 352242020266542 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Trần Thị Thu L1 khai: Mang theo 600.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính, khi L1 ké 100.000 đồng vào tụ bài của người phụ nữ (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát, thành tụ bài 300.000 đồng, C chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, L1 thua 450.000 đồng. Thu giữ trong người L1 số tiền 50.000 đồng dùng để đánh bài và 01 điện thoại di động Iphone số Imei: 013554007860266 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Lê Kim B khai: Mang theo 1.200.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài vào tụ chính của người phụ nữ (không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát, sau đó B đặt tụ bài chính 200.000 đồng, C chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, B thua 1.000.000 đồng. B không bị thu giữ gì.

Nguyễn Thị L khai: Mang theo 15.460.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài, khi L ké 100.000 đồng vào tụ bài của người phụ nữ (không rõ tên, địa chỉ, lai lịch) đã bỏ chạy thoát, thành tụ bài 300.000 đồng, C chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, L ăn 400.000 đồng. Thu giữ của L số tiền 15.760.000 đồng trong đó 800.000 đồng là tiền của L dùng để đánh bài, 14.960.000 đồng là tiền của L không sử dụng để đánh bài và 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Võ Thị M khai: Mang theo số tiền 217.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt ké nhiều ván bài, khi M ké 50.000 đồng vào tụ bài của người phụ nữ

(không rõ tên, lai lịch, địa chỉ) đã bỏ chạy thoát, thành tụ bài 150.000 đồng, C chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, M thua 150.000 đồng. Thu giữ của M số tiền 17.000 đồng dùng để đánh bài và 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Imei 1: 359973/06/218164/6, số Imei 2: 359973/06/218165/3 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Trần Thị D khai: Mang theo số tiền 28.700.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bài ăn tiền và tham gia đặt nhiều ván bài, khi D đặt tụ bài 300.000 đồng, C chuẩn bị chia bài thì bị bắt quả tang, D thua 900.000 đồng. Thu giữ của D số tiền 27.500.000 đồng là tiền của D không sử dụng để đánh bài và 01 điện thoại di động Samsung số imei: 357625080277422 và số Imei: 357651080277428 không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 26/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

Nguyễn Ngọc Th tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tương ứng với khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Huỳnh Thanh N tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Trần Hữu H, Mai Ngọc Nh, Lê Đình Duy C, Võ Thanh B1, Lê Thị H1, Nguyễn Thị Lệ Th1, Lê Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị Thu L1, Lê Kim B, Nguyễn Thị L, Võ Thị M và Trần Thị D tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt:

Nguyễn Ngọc Th từ 15 tháng đến 18 tháng tù theo khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Huỳnh Thanh N từ 12 tháng đến 15 tháng tù theo khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Mai Ngọc Nh, Lê Đình Duy C từ 15 tháng đến 18 tháng tù theo khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Trần Hữu H, Võ Thanh B1, Lê Thị H1, Nguyễn Thị Lệ Th1, Lê Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị Thu L1, Lê Kim B, Nguyễn Thị L, Võ Thị M và Trần Thị D từ 12 tháng đến 15 tháng tù theo khoản 1

Điều 248, các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo N, phạt tiền các bị cáo còn lại từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

Các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

02 tấm ván dùng làm chiếu bạc, 10 cái ghế nhỏ, 02 bộ bài tây đang sử dụng để đánh bạc, 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, 05 bộ bài tây chưa sử dụng là công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

Số tiền thu giữ của các bị cáo dùng để đánh bạc thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, số tiền không dùng để đánh bạc thì trả lại cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy các bị cáo Nguyễn Ngọc Th, Huỳnh Thanh N đã có hành vi giúp sức cho Trương Văn M chuẩn bị dụng cụ, địa điểm cho các con bạc đánh bạc và thu tiền xâu. Nhiệm vụ của Th là đứng bên ngoài cảnh giới, lấy bài mới đổi bài cho các con bạc, nhiệm vụ của N lấy tiền xâu của các con bạc. Khi Công an vào bắt quả tang thì có 02 chiếu bạc số tiền trên chiếu bạc là 7.100.000 đồng và 18.000.000 đồng. Th thừa nhận được M trả công mỗi ngày 300.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính Th được trả là khoảng 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Th thì không có căn cứ nào để xác định số tiền thu lợi bất chính Th khai là đúng nên không có cơ sở xác định Th thu lợi bất chính 18.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi của các bị cáo Th, N là tổ chức đánh bạc với quy mô lớn. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo Th, N là có đồng phạm nhưng chỉ mang tính gián đơn, các bị cáo chỉ là người giúp sức cho Trương Văn M.

[4] Xét thấy, tại chiếu bạc do Mai Ngọc Nh làm cái có các con bạc Võ Thanh B1, Lê Thị H1, Trần Hữu H, Nguyễn Thị Lệ Th1, Lê Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ, tiền trên chiếu bạc là 18.000.000 đồng, thu giữ trong người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc là 10.930.000 đồng; tại chiếu bạc do Lê Đình Duy C làm cái có các con bạc Trần Thị Thu L1, Lê Kim B, Nguyễn Thị L, Võ Thị M, Trần Thị D, tiền trên chiếu bạc là 7.100.000 đồng, thu giữ trong người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc là 26.567.000 đồng. Theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền đánh bạc của các bị cáo là trên 5.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6] Xét thấy, ngoài bị cáo Th và N thì các bị cáo còn lại phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho các bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[7] Xét thấy, bị cáo Võ Thị M, Nguyễn Thị L đã từ 60 tuổi trở lên, sau khi bỏ trốn thì bị cáo N đã ra đầu thú nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo M, L và N theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[8] Khi phạm tội, bị cáo N chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo N.

[9] Xét thấy, các bị cáo Trần Hữu H, Lê Đình Duy C, Lê Kim B và Mai Ngọc Nh có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[10] Xét thấy, bị cáo N khi phạm tội là dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung. Hành vi của các bị cáo là có thu lợi bất chính nhưng các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Đối với Trương Văn M là đồng phạm cùng Th và N về tội tổ chức đánh bạc. Ngày 12/7/2017, Công an Quận 8 đã khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để

tạm giam nhưng hiện Mười bỏ trốn khỏi địa phương, Công an Quận 8 ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và truy nã đối với M khi nào bắt được sẽ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

[12] Đối với Huỳnh Văn N1 không biết con ruột là Huỳnh Thanh N cùng đồng phạm sử dụng điện chiếu sáng của gia đình ông N1 để phục vụ vào việc đánh bạc, Viện kiểm sát không truy tố nên không đề cập giải quyết.

[13] Đối với người thanh niên tên On là đồng phạm cùng M, Th, N về tội tổ chức đánh bạc do không xác định được lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý nên không đề cập giải quyết.

[14] Về vật chứng vụ án:

[14.1] Các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14.2] 02 tấm ván dùng làm chiếu bạc, 10 cái ghế nhỏ, 02 bộ bài tây đang sử dụng để đánh bạc, 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, 05 bộ bài tây chưa sử dụng là công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14.3] Số tiền thu giữ của các bị cáo liên quan đến hành vi đánh bạc thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, số tiền không dùng để đánh bạc thì trả lại cho các bị cáo theo điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc Th và Huỳnh Thanh N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo Trần Hữu Hh, Mai Ngọc Nh, Lê Đình Duy C, Võ Thanh B1, Lê Thị H, Nguyễn Thị Lệ Th1, Lê Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị Thu L1, Lê Kim B, Nguyễn Thị L, Võ Thị M và Trần Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Xử phạt các bị cáo Võ Thanh B1, Lê Thị H, Nguyễn Thị Lê Th1, Lê Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc Đ1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị Thu L1, Trần Thị D, mỗi bị cáo là 10 (mười) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù, được trừ thời gian các bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/4/2017 đến ngày 12/3/2018 là 10 (mười) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L, Võ Thị M, mỗi bị cáo là 09 (chín) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù, được trừ thời gian các bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/4/2017 đến ngày 07/02/2018 là 09 (chín) tháng 23 (hai mươi ba) ngày, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, các điểm h, p khoản 1 Điều 46, các khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt các bị cáo:

Mai Ngọc Nh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Lê Đình Duy C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Lê Kim B 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trần Hữu H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân

phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu huỷ:

02 (hai) tấm ván dùng làm chiếu bạc; 10 (mười) cái ghế nhỏ; 02 (hai) bộ bài tây đang sử dụng để đánh bạc; 03 (ba) bộ bài tây đã qua sử dụng; 05 (năm) bộ bài tây chưa sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 63.897.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

Trả lại cho:

Mai Ngọc Nh 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo.

Lê Thị H1 01 (một) điện thoại di động Smart số Imei: 357058060184790.

Trần Hữu H 01 (một) điện thoại di động Nokia số Imei: 359972/05/854354/4; 01 (một) điện thoại di động Samsung số Imei: 355228/08/036789/7 và số Imei: 355229/08/036789/5.

Nguyễn Thị Lê Th1 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số Imei: 352351/06/854800/8; 01 (một) điện thoại di động Intex số Imei 1: 911522250175008, số Imei 2: 911522250175016.

Lê Hồng T 01 (một) điện thoại di động màu trắng, số Imei 1: 355282074179156, số Imei 2: 355282074179164 và số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Nguyễn Thị Ngọc Đ1 01 (một) điện thoại di động Nokia, số Imei: 357809/06/532210/2.

Nguyễn Thị A 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số Imei: 359589/05/440876/9.

Lê Đình Duy C 01 điện thoại di động Mobistar, số Imei: 352242020266542.

Trần Thị Thu L1 01 (một) điện thoại di động Iphone 5 số Imei: 013554007860266.

Nguyễn Thị L 01 (một) điện thoại di động Nokia 105 màu đen, số Imei không rõ và 14.960.000 (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Võ Thị M 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei 1: 359973/06/218164/6, số Imei 2: 359973/06/218165/3.

Trần Thị D 01 (một) điện thoại di động Samsung, số imei: 357625080277422 và số Imei: 357651080277428; số tiền 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng

(Theo các phiếu nhập kho vật chứng số 263, 264/PNK ngày 24/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 15/11/2017).

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh;
- Đội CSBV&HTTP, NTG Quận 8;
- Đội CSĐT THCA Quận 8;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (78)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp